

Biểu mẫu 01

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Trẻ phát triển sức khoẻ bình thường 95% trẻ đạt cân nặng và chiều cao theo độ tuổi. - Được đánh giá theo 4 lĩnh vực phát triển. Đảm bảo thực hiện và đạt được các mục tiêu cuối độ tuổi	- Trẻ phát triển sức khoẻ bình thường theo độ tuổi. - Được đánh giá theo 5 lĩnh vực PT. Đảm bảo thực hiện và đạt được các mục tiêu cuối độ tuổi.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện theo chương trình được quy định tại TT51 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- 90% trở lên số trẻ đạt được các tiêu chí phát triển ở các lĩnh vực theo độ tuổi	- 95% trở lên số trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi đạt yêu cầu 5 lĩnh vực PT
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Tuyên truyền phổ biến kiến thức CSGD phù hợp với độ tuổi cha mẹ trẻ & cộng đồng. - Phối hợp với cha mẹ trẻ trong cộng đồng trong công tác CS&GD trẻ.	- Tổ chức các hoạt động ngoại khoá, hình thức tìm hiểu về các chủ đề theo chương trình.

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đàm Thị Hoàng

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			12-18 tháng tuổi	19-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	296	8	14	51	65	103	55
1	Số trẻ em nhóm ghép	0						
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0						
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	296	8	14	51	65	103	55
4	Số trẻ em khuyết tật học hoà nhập	7				2	3	2
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	296	8	14	51	65	103	55
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	262	4	12	28	66	94	58
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	296	8	14	51	65	103	55
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	296	8	14	51	65	103	55
1	Số trẻ cân nặng bình thường	296	8	14	51	65	103	55
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	296	8	14	51	65	103	55
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	2	0	0	0	0	0	2
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	296	8	14	51	65	103	55
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	73	8	14	51			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	223				65	103	55

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG
Đạm Thị Hoàng

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	11	Số m ² /trẻ em
	Loại phòng học		
	Phòng học kiên cố	11	
	Phòng học bán kiên cố	0	
	Phòng học tạm	0	
	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	909,1m ²	2,7m ²
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	95m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	42m ²	1,4m ²
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	0	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	13,24m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	65,6m ²	2,2m ²
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	0	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	48,64m ²	0,2m ²
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	570	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	240	22 bộ/lớp
2	Số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định	330	30 bộ/lớp
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	46	Số bộ/sân chơi (trường) 23/cơ sở
IX	Tổng số thiết thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	14 máy vi tính	01/lớp

X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	Bàn ghế đúng quy cách	64 bộ				
2	Tivi	4				
3	Loa di động	1				
4	Đầu video	2				
5	Máy in	5				
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt tiêu chuẩn vệ sinh*	2		11		0,4m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối Internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
....			

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ


Đàm Thị Hoàng

Biểu mẫu 04

UBND QUẬN THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

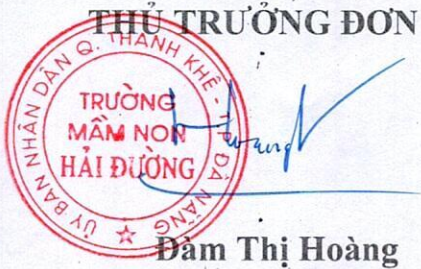
THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38													
I	Giáo viên	22			21	1				22	0	10	11	1	
1	Nhà trẻ	7			6	1				7	0	3	3	1	
2	Mẫu giáo	15			15					15	0	7	8		
II	Cán bộ quản lý	3			3					2	1		3		
1	Hiệu trưởng	1			1					2	1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2					0	0		2		
III	Nhân viên	13			1		2	10							
1	Nhân viên văn thư	0,5			1										
2	Nhân viên kế toán	0,5													
3	Thủ quỹ	0,5					1								
4	Nhân viên y tế	0,5													
5	Nhân viên cấp dưỡng	6						6							
6	Nhân viên vệ sinh	2					1	1							
7	Nhân viên bảo vệ	3						3							

Thanh Khê, ngày 31 tháng 5 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Đàm Thị Hoàng